

Bản án số: 80/2021/DS-PT

Ngày: 09/3/2021

*V/v chia thừa kế*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đặng Mạnh Cẩm Yến**

*Các Thẩm phán:* Ông **Vũ Viết Văn**

Ông **Đinh Như Lâm**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thanh Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:** Bà **Nguyễn Thị Thúy Hà**  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 04 và ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 427/2020/DSPT ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc “*chia thừa kế*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 90/2020/DS-ST ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2021/QĐXX-PT ngày 13 tháng 1 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 54/2021/QĐHPT-PT ngày 25/1/2021 giữa:

**1. Nguyên đơn:** Bà Lê M L, sinh năm 1967 (Có mặt).

Trú tại: Thôn X, xã X, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Nguyễn Đ T, sinh năm 1959 (theo giấy ủy quyền ngày 19/12/2020). (Có mặt)

**2. Bị đơn:** Ông Lê V Q, sinh năm 1972 (Có mặt)

Trú tại: Thôn X, xã X, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

**3.1.** Ông Lê V H (tức N), sinh năm 1974 (Có mặt).

**3.2.** Bà Ngô T N, sinh năm 1977 (vợ ông Q) (Có mặt).

**3.3.** Bà Trần T M N, sinh năm 1973 (vợ ông H) (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần T M N là ông Lê V H, (tức N), sinh năm 1974.

3.4. Anh Lê Đ T, sinh năm 1998 (con ông Q, bà N) (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Đ T là ông Lê V Q, sinh năm 1972.

3.5. Cháu Lê C M, sinh năm 2004 (con ông Q, bà N) (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu Lê C M là bố, mẹ cháu: Ông Lê V Q, sinh năm 1972 và bà Ngô T N, sinh năm 1977.

Đều trú tại: Thôn X, xã X, huyện Đ, Hà Nội.

3.6. Ủy ban nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Trụ sở: Đường C, thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trung K, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn X L, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ (Vắng mặt).

Người kháng cáo: ông Lê V Q - Là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2019 và các bản tự khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:*

Bố nuôi bà là cụ Lê Văn Quảng, sinh năm 1940, hy sinh ngày 25/5/1968, mẹ nuôi bà là cụ Lê Thị Lịch, sinh năm 1940, chết ngày 13/9/2018. Bố, mẹ bà có các con như sau:

1. Bà Lê M L, sinh năm 1967.
2. Ông Lê V Q, sinh năm 1972.
3. Ông Lê V H, sinh năm 1974.

Cụ Quảng và cụ Lịch nhận bà về nuôi từ tháng 9 năm 1967, ngày 29/9/1967 bố mẹ bà làm giấy khai sinh cho bà mang họ bố và mẹ tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh. Ngày 23/3/1967, bố nuôi bà nhập ngũ chiến đấu tại chiến trường Miền Nam, hy sinh ngày 25/5/1968, được Nhà nước công nhận là liệt sỹ.

Bà và mẹ bà ăn ở tại Thôn X, xã X, huyện Đ, Hà Nội. Năm 1972 mẹ bà xin ông Lê V Q về nuôi. Năm 1974 mẹ bà sinh ra ông Lê V H, không có bố. Bà cùng mẹ và hai em lớn lên tại ngôi nhà nằm trên thửa đất đang tranh chấp hiện nay ông Q đang sử dụng tại Thôn X, xã X, huyện Đ, Hà Nội.

Năm 1988 bà đi lấy chồng người cùng làng và chuyển về nhà chồng sinh sống. Năm 1992, ông Lê V H lấy vợ cùng xã Xuân Nộn và sinh sống cùng mẹ bà tại nhà đất đang tranh chấp một thời gian ngắn, đến năm 1994 ra làm nhà ở riêng. Ông Lê V Q lấy vợ năm 1996, vợ chồng anh Quyên ở cùng mẹ bà tại nhà đất đang tranh chấp. Ngày 13/9/2018 mẹ bà chết.

Về nguồn gốc khối tài sản là di sản: Bố mẹ bà chết để lại gồm căn nhà cấp 4 trên diện tích đất 532m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ số 20 tại Thôn X, xã X, huyện Đ,

thành phố Hà Nội. Nguồn gốc thửa đất này là do địa phương xã Xuân Nộn cấp cho bố mẹ bà từ trước năm 1967. Bố mẹ bà sau khi được cấp đất đã trực tiếp làm căn nhà cấp 4 lợp ngói để sử dụng. Hiện nay ngôi nhà lợp ngói 04 gian do bố mẹ bà xây dựng trên mảnh đất do vợ chồng ông Q đang sử dụng.

Bố bà hy sinh ngày 25/5/1968 không để lại di chúc. Ngày 13/9/2018 mẹ bà chết, không để lại di chúc, ngôi nhà trên thửa đất đó do ông Q (con nuôi của mẹ bà) quản lý và sử dụng toàn bộ.

Năm 2003, Ủy ban nhân dân xã yêu cầu mẹ bà kê khai diện tích đất để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng. Do bận việc nên mẹ bà không đi kê khai mà ông Q đã tự ý kê khai, lập hồ sơ đăng ký nhà đất trên và đã được Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số bìa W: 520091 ngày 14/10/2003, mang tên hộ gia đình Lê V Q.

Năm 2011, địa phương xây cho mẹ bà ngôi nhà tình nghĩa cấp 4, hiện vợ chồng ông Q đang sử dụng. Hiện nay trên đất tranh chấp có 02 ngôi nhà cấp 4, đều là di sản thừa kế của bố mẹ bà.

Khi mẹ bà chết, toàn bộ việc chi phí lo ma, cúng giỗ đều do tất cả các anh chị em cùng lo, thực tế tiền lo chi phí lấy từ tiền phúng viếng và tiền của mẹ bà còn, các con không phải đóng góp. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chi phí lo ma và các chi phí khác liên quan đến việc giỗ chạp của mẹ bà.

Nay, bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông Anh chia di sản thừa kế của bố mẹ bà để lại theo pháp luật là: Quyền sử dụng đất có diện tích 532m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền trên đất là 2 ngôi nhà cấp 4 tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 20 thôn Xuân Nộn, xã Xuân Nộn, Đông Anh, Hà Nội, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ gia đình ông Lê V Q. Đồng thời, đề nghị thu hồi và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ gia đình ông Lê V Q. Bà xin được hưởng bằng hiện vật là đất và yêu cầu được hưởng 250 m<sup>2</sup> đất.

**\* Bị đơn ông Lê V Q trình bày:**

- Về quan hệ huyết thống: Ông nhất trí về quan hệ huyết thống như bà L đã trình bày. Ông là con nuôi hợp pháp của cả bố và mẹ ông, thể hiện tại giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã Xuân Nộn cấp cho ông. Trong giấy khai sinh của ông thể hiện tên bố là Lê Văn Quảng, mặc dù ông được sinh ra và được cụ Lịch nhận nuôi sau khi cụ Quảng đã chết nhiều năm.

Bố mẹ ông chết không để lại di chúc.

- Về di sản thừa kế: Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 20, diện tích 532 m<sup>2</sup> tại Thôn X, xã X, huyện Đ là của bố mẹ ông để lại cho ông. Gia đình ông đã được Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 14/10/2003, mang tên hộ gia

đình Lê V Q. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì trong hộ gia đình ông gồm có: Cụ Lê Thị Lịch, hai vợ chồng ông và 02 vợ chồng ông Lê V H.

Nay, bà Lê M L yêu cầu chia thừa kế di sản của bố mẹ để lại theo pháp luật, ông chỉ nhất trí chia cho ông H 100 m<sup>2</sup> đất, bà L 40 m<sup>2</sup> đất. Nếu không hòa giải được, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Khi mẹ ông chết, toàn bộ việc chi phí lo ma, cúng giỗ đều do vợ chồng ông và vợ chồng ông H cùng lo, anh em ông không nhận tiền đóng góp của bà L. Thực tế tiền lo chi phí lấy từ tiền phúng viếng và một phần tiền đóng của vợ chồng ông và vợ chồng ông H. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chi phí lo ma và các chi phí khác liên quan đến việc giỗ chạp của mẹ ông.

***\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Lê V H trình bày:

Về quan hệ huyết thống: Mẹ đẻ ông là cụ Lê Thị Lịch, sinh năm 1940, chết ngày 13/9/2018. Trước khi sinh ra ông, mẹ ông có chồng là cụ Lê Văn Quảng, liệt sỹ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, hy sinh ngày 25/5/1968. Giữa cụ Lịch và cụ Quảng không có con đẻ, có 01 con nuôi hợp pháp là bà Lê M L, sinh năm 1967. Sau khi cụ Lê Văn Quảng hy sinh thì đến năm 1972 mẹ ông xin con nuôi hợp pháp là ông Lê V Q, sinh năm 1972. Đến năm 1974 thì mẹ ông sinh ra ông, không có bố. Ngoài ra, vợ chồng cụ Quảng, cụ Lịch không còn người con đẻ, con riêng, con nuôi nào khác. Cụ Quảng, cụ Lịch chết đều không để lại di chúc.

Nguồn gốc thửa đất số 37, tờ bản đồ số 20, diện tích 532m<sup>2</sup> tại Thôn X, xã X, huyện Đ là do hợp tác xã cấp cho hai vợ chồng cụ Lịch, cụ Quảng từ trước năm 1966. Sau khi được cấp đất thì 02 vợ chồng cụ Quảng, cụ Lịch xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 để ở, hiện nay ngôi nhà này vợ chồng ông Q đang sử dụng.

Ba chị em ông đều ở nhà, đất của 02 cụ từ nhỏ cho đến khi kết hôn. Ông kết hôn với bà Trần T M N năm 1993. Sau khi kết hôn vợ chồng ông ở trên nhà đất tại thửa số 37, tờ bản đồ số 20, diện tích 532 m<sup>2</sup> tại Thôn X, xã X, huyện Đ của cụ Lịch được hơn 01 năm, sau đó vợ chồng ông chuyển ra ở riêng nhà đất khác.

Nay, bà L yêu cầu chia thừa kế nhà đất của bố mẹ để lại theo pháp luật, ông đề nghị được hưởng kỷ phần thừa kế của mẹ ông là cụ Lịch theo pháp luật và xin được hưởng bằng hiện vật là đất. Ông nhất trí nhận 100 m<sup>2</sup> đất như quan điểm của ông Q.

Khi mẹ ông chết, toàn bộ việc chi phí lo ma, cúng giỗ đều do vợ chồng ông và vợ chồng ông Q cùng lo. Thực tế tiền lo chi phí lấy từ tiền phúng viếng và một phần tiền đóng của vợ chồng ông và vợ chồng ông Q. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chi phí lo ma và các chi phí khác liên quan đến việc giỗ chạp của mẹ ông.

- Bà Ngô T N trình bày: Bà nhất trí với ý kiến của chồng là ông Lê V Q.

- Bà Trần T M N nhất trí với ý kiến của chồng là ông Lê V H.

- Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày: Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 20, diện tích 532 m<sup>2</sup> tại Thôn X, xã X, huyện Đ đã được Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số W 520091 ngày 14/10/2003, mang tên hộ gia đình ông Lê V Q. Trình tự và thủ tục cấp giấy chứng nhận được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Thửa đất của hộ gia đình ông Lê V Q chưa đăng ký biến động về quyền sử dụng đất. Về việc nguyên đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ gia đình ông Lê V Q, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với phần diện tích đất của hộ gia đình ông Lê V Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 20, diện tích 532 m<sup>2</sup> thì mục đích sử dụng đất được công nhận là 300 m<sup>2</sup> đất ở và 232 m<sup>2</sup> đất vườn liền kề.

Tại bản án sơ thẩm số 90/2020/DSST ngày: 16/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê M L về việc Chia thừa kế đối với ông Lê V Q.

2. Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê M L.

3. Về quan hệ chia thừa kế:

- Cụ Lê Văn Quảng, hy sinh ngày 25/5/1968, còn thời hiệu chia thừa kế.

- Cụ Lê Thị Lịch, chết ngày 13/9/2018, còn thời hiệu chia thừa kế.

- Thời điểm mở thừa kế của cụ Lê Văn Quảng là ngày 25/5/1968.

- Thời điểm mở thừa kế của cụ Lê Thị Lịch là ngày 13/9/2018.

- Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Văn Quảng gồm: Cụ Lê Thị Lịch và bà Lê M L.

- Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Thị Lịch gồm: Bà Lê M L, ông Lê V Q, ông Lê V H.

- Di sản của cụ Lê Văn Quảng và cụ Lê Thị Lịch gồm:

+ 300 m<sup>2</sup> đất ở trị giá 8.000.000 đồng/m<sup>2</sup> = 2.400.000.000 đồng.

+ 232 m<sup>2</sup> đất vườn liền kề trị giá 5.000.000 đồng/m<sup>2</sup> = 1.160.000.000 đồng.

+ Ngôi nhà cấp 4 lợp ngói trị giá 9.659.000 đồng.

Tổng di sản của cụ Quảng, cụ Lịch trị giá 3.569.659.000 đồng.

Hai cụ chết không để lại di chúc. Di sản của cụ Quảng, cụ Lịch được chia theo pháp luật.

Tổng di sản của cụ Quảng, cụ Lịch trị giá 3.569.659.000 đồng. Chia làm 03 phần, mỗi cụ hưởng 01 phần và vợ chồng ông Q hưởng công sức 01 phần = 1.189.886.000 đồng.

Di sản của cụ Lê Văn Quảng trị giá là 1.189.886.000 đồng, được chia làm 2 = 594.943.000 đồng. Cụ Lịch, bà L mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế là 594.943.000 đồng.



Di sản của cụ Lê Thị Lịch trị giá là 1.189.886.000 đồng, cộng với kỷ phần được hưởng thừa kế của cụ Quảng 594.943.000 đồng, cộng với trị giá ngôi nhà cấp 4 lợp proximãng trị giá 31.892.000 đồng = 1.816.721.000 đồng, được chia làm 3 = 605.574.000 đồng. Bà L, ông Q, ông H mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế là 605.574.000 đồng.

Bà L được hưởng thừa kế của cụ Quảng là 594.943.000 đồng và thừa kế của cụ Lịch là 605.574.000 đồng, cộng bằng 1.200.517.000 đồng.

Vợ chồng ông Lê V Q được trích một phần một phần công sức trị giá 1.189.886.000 đồng và kỷ phần thừa kế ông Q được hưởng của cụ Lịch trị giá 605.574.000 đồng. Cộng bằng 1.795.460.000 đồng.

Ông Lê V H được hưởng thừa kế của cụ Lịch là 605.574.000 đồng.

**\* *Giao cụ thể bằng hiện vật như sau:***

- *Giao cho bà Lê M L có quyền sử dụng:*

+ 100 m<sup>2</sup> đất ở trị giá 800.000.000 đồng.

+ 73,7 m<sup>2</sup> đất vườn trị giá 368.625.000 đồng và sở hữu ngôi nhà cấp 4 làm năm 2011 trị giá 31.892.000 đồng. Tổng cộng bằng 1.200.517.000 đồng (Một tỷ, hai trăm triệu, năm trăm mười bảy nghìn đồng).

Trên phần đất giao cho bà L có tài sản của vợ chồng ông Q gồm: 26,8 m<sup>2</sup> khu chăn nuôi trị giá 3.358.000 đồng, một phần khu bếp 11,2 m<sup>2</sup> trị giá 1.419.000 đồng, một phần sân gạch lục 12,3 m<sup>2</sup> trị giá 239.000 đồng. Tổng bằng 5.015.000 đồng. Giao cho bà L có quyền sở hữu các tài sản này, bà L phải có nghĩa vụ thanh toán trả vợ chồng ông Q số tiền 5.015.000 đồng (năm triệu, không trăm mười lăm nghìn đồng).

- *Giao cho vợ chồng ông Lê V Q có quyền sử dụng:*

+ 140 m<sup>2</sup> đất ở trị giá 1.120.000.000 đồng.

+ 133,3 m<sup>2</sup> đất vườn trị giá 666.500.000 đồng và sở hữu ngôi nhà cấp 4 làm năm 1967 trị giá 9.659.000 đồng. Tổng cộng bằng 1.796.159.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm chín mươi sáu triệu, một trăm năm mươi chín nghìn đồng).

- *Giao cho ông Lê V H có quyền sử dụng:*

+ 60 m<sup>2</sup> đất ở trị giá 480.000.000 đồng.

+ 25 m<sup>2</sup> đất vườn trị giá 125.574.000 đồng. Tổng cộng bằng 605.574.000 đồng (Sáu trăm linh năm triệu, năm trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Tài sản trên phần đất của ai người đó có quyền sở hữu.

**\* *Danh giới đất:*** Có hồ sơ kỹ thuật kèm theo Bản án.

Bà Lê M L, vợ chồng ông Lê V Q, ông Lê V H có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Không đồng ý bản án dân sự sơ thẩm, ông Lê V Q là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chia cho ông H phần đất có diện tích khoảng 100m<sup>2</sup> để làm nơi thờ cúng cụ Lịch vì ông H là con đẻ duy nhất của cụ Lịch.

Ông Lê V Q kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đối với việc phân chia di sản thừa kế, việc chia thừa kế tại cấp sơ thẩm cho ông phần diện tích phía trong thửa đất không phù hợp với hiện trạng sử dụng của gia đình ông, hiện gia đình ông đang sinh sống trên ngôi nhà tình nghĩa giáp với đường nội đồng, mặt khác toàn bộ đất nông nghiệp của ông hiện nay đang canh tác nằm ở sát đường nội đồng tiếp giáp với thửa đất, nên ông đề nghị Hội đồng xét xử chia cho ông được hưởng phần di sản nằm ở phía ngoài của thửa đất để tạo điều kiện cho ông sinh sống ổn định.

Ông Lê V H trình bày: sau khi xét xử sơ thẩm, ông không kháng cáo bản án, tuy nhiên tại cấp phúc thẩm ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chia cho ông phần đất có diện tích khoảng 100m<sup>2</sup> để làm nơi thờ cúng mẹ ông như thỏa thuận của bà L và ông Q tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật;

- Về nội dung kháng cáo: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử giữ sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh về sơ đồ phân chia di sản thừa kế.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng:**

Đơn kháng cáo và biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của bị đơn nộp trong hạn luật định nên hợp lệ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND huyện Đông Anh được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do và đã có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử, giải quyết vắng mặt UBND huyện Đông Anh.

#### **[2]. Nội dung vụ án:**

## 2.1 Về quan hệ huyết thống:

Lời khai của các đương sự thống nhất phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định:

Cụ Lê Thị Lịch, sinh năm 1940, chết năm 2018 kết hôn với cụ Lê Văn Quảng, sinh năm 1940, hy sinh năm 1968. Cụ Quảng và cụ Lịch không có con đẻ và nhận bà Lê M L, sinh năm 1967 làm con nuôi, có đăng ký khai sinh tại UBND xã Xuân Nộn. Sau khi cụ Quảng hy sinh, cụ Lịch nhận ông Lê V Q, sinh năm 1972 làm con nuôi, có đăng ký khai sinh tại UBND xã Xuân Nộn. Năm 1974, cụ Lịch sinh ông Lê V H (Lê Văn Nguyên).

## 2.2. Về xác định di sản thừa kế:

Nguyên đơn, bà Lê M L khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế cụ Quảng, cụ Lịch để lại là thửa đất số 37, tờ bản đồ số 20, đã được UBND huyện Đông Anh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Lê V Q ngày 14/10/2003, diện tích 532m<sup>2</sup> trong đó có 300m<sup>2</sup> đất ở và 232m<sup>2</sup> đất vườn liền kề. Xét thấy, thửa đất trên có nguồn gốc của Hợp tác xã cấp cho vợ chồng cụ Lê Thị Lịch và cụ Lê Văn Quảng từ trước năm 1966. Sau khi được cấp hai cụ xây dựng một ngôi nhà cấp bốn, hiện nay ngôi nhà này vẫn còn và gia đình ông Q đang quản lý sử dụng ngôi nhà và toàn bộ thửa đất. Quá trình sử dụng ông Q có xây dựng thêm một số công trình tài sản trên đất như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đã ghi nhận. Tại cấp sơ thẩm ông Q cho rằng thửa đất trên mẹ ông để lại cho ông và ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thể hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho hộ gia đình ông Lê V Q, không có văn bản tặng cho của cụ Lịch cho ông mà thể hiện thời điểm cấp các thành viên trong gia đình gồm cụ Lê Thị Lịch, ông Lê V Q, bà Ngô T N (vợ ông Q), ông Lê V H, bà Trần T M N (vợ ông H) thống nhất để ông đại diện cho hộ gia đình kê khai và đứng tên trên Giấy chứng nhận. Tại cấp phúc thẩm ông Q và các đương sự cũng thừa nhận thửa đất trên là do bố mẹ ông để lại, ông chỉ có công sức duy trì tôn tạo thửa đất. Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ xác định di sản của cụ Quảng, cụ Lịch để lại là thửa đất số 37, tờ bản đồ số 20, diện tích 532m<sup>2</sup> đã được UBND huyện Đông Anh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số W 520091 ngày 14/10/2003 cho hộ gia đình ông Lê V Q và 01 ngôi nhà cấp 04 có diện tích 41,7m<sup>2</sup> xây dựng khoảng năm 1966.

Theo kết quả đo đạc hiện trạng, thửa đất hiện nay có diện tích 557,6m<sup>2</sup>, tuy nhiên, tại công văn số 57/UBND-ĐCXD ngày 24/2/2021 của UBND xã Xuân Nộn về việc phúc đáp công văn của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc cung cấp thông tin đối với thửa đất số 37 xác định: Diện tích thửa đất theo hiện trạng tăng lên so với diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phần diện tích ở phía Đông thửa đất và một phần đất nương, đường nội đồng của tập thể. UBND xã Xuân Nộn đề nghị Tòa án không



ghi nhận phần diện tích này vào quyền sử dụng đất của gia đình khi chia thừa kế. Phần lối đi phía Nam thửa đất là lối đi chung của tập thể (đường mương nội đồng).

Như vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm chỉ xem xét, chia thừa kế đối với diện tích 532m<sup>2</sup> trong đó 300m<sup>2</sup> đất ở và 232m<sup>2</sup> đất vườn đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ, thửa đất hiện nay không có tranh chấp ranh giới, mốc giới với các hộ gia đình liền kề đã sử dụng ổn định nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định phần diện tích ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nằm ở phía Nam thửa đất là phần mương, đường nội đồng của tập thể.

### 2.3. Xét yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, không ai cung cấp được di chúc của cụ Quảng, cụ Lịch nên xác định: Cụ Quảng hy sinh năm 1968, không để lại di chúc. Cụ Lịch chết năm 2018, không để lại di chúc. Thời điểm mở thừa kế của cụ Quảng là năm 1968, của cụ Lịch là năm 2018, như vậy tính đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện thời hiệu yêu cầu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại khoản 1 điều 623 BLDS năm 2015.

Hai cụ chết không để lại di chúc nên di sản của cụ Quảng, cụ Lịch được chia theo pháp luật cho các hàng thừa kế thứ nhất.

Cụ Quảng, cụ Lịch có 01 con chung là bà Lê M L. Cụ Quảng chết năm 1968, nên xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Quảng là cụ Lịch và bà L.

Sau khi cụ Quảng chết, cụ Lịch nhận nuôi ông Q và sinh ông H không có cha, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lịch gồm bà L, ông Q, ông H.

Di sản của cụ Quảng, cụ Lịch gồm:

- 300m<sup>2</sup> đất ở trị giá 8.000.000 đồng/m<sup>2</sup> = 2.400.000.000 đồng
- 232m<sup>2</sup> đất vườn liền kề trị giá 5.000.000 đồng/m<sup>2</sup> = 1.160.000.000 đồng.
- Ngôi nhà cấp 4 lợp ngói diện tích 41,7m<sup>2</sup> x 2.278.000 đồng/m<sup>2</sup> x 10% = 9.499.000 đồng.

*Về việc phân chia di sản thừa kế:*

Tại cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định vợ chồng ông Q có công sức tôn tạo, duy trì khối tài sản nên trích một phần công sức cho vợ chồng ông Q bằng 01 phần trong khối tài sản của cụ Lịch, cụ Quảng. Thực tế, vợ chồng ông Q sinh sống cùng cụ Lịch từ khi lập gia đình và chăm sóc cụ Lịch đến khi chết, có công sức tôn tạo thửa đất từ đất ao thành thửa đất như hiện nay và xây dựng thêm một số công trình tài sản trên đất nên Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy việc trích công sức cho ông Q 01 phần trong khối tài sản của cụ Quảng, cụ Lịch là phù hợp.

Tuy nhiên, ngoài vợ chồng ông Q, vợ chồng ông H cũng sinh sống trên thửa đất cùng cụ Lịch, đến năm 1994 mới chuyển ra thửa đất khác nên cũng có công sức tôn tạo duy trì thửa đất, thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ gia đình ông Q khi đó gồm vợ chồng ông H. Mặt khác xét về quan hệ huyết thống ông H là con đẻ duy

nhất của cụ Lịch. Tại cấp sơ thẩm cả bà L, ông Q đều có quan điểm đồng ý chia cho ông H 100m<sup>2</sup> đất, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần ghi nhận sự tự nguyện của ông Q, bà L chia cho ông H phần đất có diện tích 100m<sup>2</sup> để làm nơi thờ cúng cụ Lịch.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, việc phân chia thửa đất tại cấp sơ thẩm là chưa phù hợp với hiện trạng thửa đất cũng như mục đích sử dụng của các thừa kế. Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 20 có hình thể là hình chữ nhật có chiều ngang hẹp và nhiều đường gấp khúc, vì vậy việc phân chia thửa đất theo chiều dọc như ở cấp sơ thẩm gây khó khăn cho việc xây dựng công trình cũng như sử dụng phần diện tích đất được chia của hộ gia đình ông Q bà N. Vì vậy, cần xem xét phân chia thửa đất cho các thừa kế theo chiều ngang thửa đất. Mặt khác, ông Q là người trực tiếp sinh sống quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất, hiện ông đang sinh hoạt trên ngôi nhà cấp 04 xây năm 2011 nằm ở phía Nam thửa đất, toàn bộ diện tích đất nông nghiệp ở nằm sát con đường nội đồng ở phía Nam đất là của gia đình ông Q nên cần tạo điều kiện chia cho ông Q phần diện tích đất nằm ở phía Nam đất sát với đường nội đồng. Do thửa đất chỉ có duy nhất một lối đi từ đường làng vào cạnh phía Đông Nam thửa đất, nên cần để 01 phần diện tích có bề rộng 2m đi vào trong thửa đất làm lối đi chung. Cụ thể phần lối đi chung có diện tích 49m<sup>2</sup>.

Phần còn lại của thửa đất có diện tích 483m<sup>2</sup> được chia làm 03 phần: Trong đó di sản của cụ Quảng 01 phần, di sản của cụ Lịch 01 phần, trích công sức cho vợ chồng ông Q 01 phần, mỗi phần có diện tích  $483:3 = 161\text{m}^2$  trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở và 61m<sup>2</sup> đất vườn liền kề.

Di sản của cụ Quảng chia làm 02 kỷ phần cho cụ Lịch, bà L, mỗi người được hưởng 80,5m<sup>2</sup>.

Di sản của cụ Lịch gồm  $161\text{m}^2 + 80,5\text{m}^2 = 241,5\text{m}^2$  được chia làm 03 kỷ phần cho bà L, ông Q, ông H, mỗi người được hưởng 80,5m<sup>2</sup> trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở và 30,5m<sup>2</sup> đất vườn liền kề. Tuy nhiên, ghi nhận sự tự nguyện của bà L, ông Q về việc chia cho di sản của cụ Lịch cho ông H diện tích đất 100m<sup>2</sup> để sử dụng và làm nơi thờ cúng cụ Lịch, đồng thời cần trích công sức chăm sóc cụ Lịch và duy trì tôn tạo tài sản cho ông H nên chia cho ông H phần đất có diện tích 100m<sup>2</sup> trong khối di sản của cụ Lịch, phần còn lại được chia cho bà L, ông Q mỗi người được hưởng 70,75m<sup>2</sup> đất trong khối di sản của cụ Lịch.

Chia di sản thừa kế bằng hiện vật cụ thể như sau:

Chia cho bà L phần đất bên trong phía Bắc thửa đất, diện tích 151,25m<sup>2</sup> trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở và 51,25m<sup>2</sup> đất vườn liền kề trên có một ngôi nhà cấp 4 do cụ Lịch, cụ Quảng để lại. Do diện tích được chia của bà L ở phía trong có giá trị thấp hơn nên không buộc bà L phải thanh toán giá trị quyền sử dụng ngôi nhà cho các đồng thừa kế. Tổng trị giá di sản bà L được nhận là 1.056.000.000 đồng quyền sử dụng đất và ngôi nhà trị giá 9.499.000 đồng. Trên đất có một nhà tạm diện tích 16,9m<sup>2</sup>, 1 nhà tạm diện tích 15,7m<sup>2</sup>

(khu bếp, nhà vệ sinh) do vợ chồng ông Q xây dựng, trị giá 4.130.420 đồng. Bà L được quyền quản lý sử dụng các công trình trên và thanh toán cho vợ chồng ông Q, bà N số tiền 4.130.420 đồng.

Chia cho ông Lê V H phần đất tiếp giáp phần đất của bà Lê M L diện tích 100m<sup>2</sup> đất trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở và 50m<sup>2</sup> đất vườn liền kề. Tổng trị giá di sản ông H được nhận là 650.000.000 đồng. Trên phần đất được chia có khu chăn nuôi có diện tích 24,1m<sup>2</sup> do vợ chồng ông Q xây dựng, trị giá 3.053.470 đồng. Ông H được quyền quản lý sử dụng các công trình trên đất và thanh toán cho vợ chồng ông Q số tiền 3.053.470 đồng.

Chia cho ông Ông Lê V Q phần đất phía Nam thửa đất tiếp giáp với đường nội đồng có diện tích 231,75m<sup>2</sup> đất trong đó có 150m<sup>2</sup> đất ở và 81,75m<sup>2</sup> đất vườn liền kề, tổng trị giá di sản ông Q được nhận là 1.608.750.000 đồng.

Ông Q, bà N được quyền quản lý, sử dụng các công trình tài sản trên phần diện tích đất được chia.

Bà Lê M L, ông Lê V Q, ông Lê V H được quyền sử dụng chung phần lối đi chung có diện tích 49m<sup>2</sup> đất vườn liền kề trị giá 245.000.000 đồng.

Ranh giới giữa các thửa đất và phần lối đi được xác định trong sơ đồ kỹ thuật kèm theo bản án.

Bà L, ông Q, ông H có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích được chia.

Đối với phần diện tích 25,6m<sup>2</sup> nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện trạng gia đình ông Q đang sử dụng và một phần công trình xây dựng của gia đình ông Q nằm trên diện tích đất này nên cần tạm giao phần diện tích nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Q, bà N quản lý sử dụng cho đến khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2.4. Xét yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ gia đình ông Lê V Q:

Xét hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 520091 đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 20, diện tích 532 m<sup>2</sup> tại Thôn X, xã X, huyện Đ của Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cho hộ gia đình ông Lê V Q: Tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận cụ Lê Thị Lịch còn sống, các thành viên chung hộ khẩu có đơn và ký xác nhận đồng ý để ông Lê V Q thay mặt hộ gia đình đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ được kê khai đầy đủ thông tin, thực hiện theo đúng trình tự quy định của pháp luật nên việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L không được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

## 2.5 Về án phí:

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần di sản được nhận theo quy định của pháp luật.

Các đương sự cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần diện tích lỗi đi chung theo quy định của pháp luật.

Bà L là con liệt sỹ nên được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bản án sơ thẩm xét xử có căn cứ, nội dung đúng quy định của pháp luật tuy nhiên việc phân chia di sản thừa kế bằng hiện vật chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét sửa một phần bản sơ thẩm về việc phân chia di sản thừa kế.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\* Căn cứ vào:

- Điều 148, Khoản 2 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 650, 651, 653, 660 Bộ luật dân sự 2015 ;
- Điều 100 Luật đất đai năm 2013;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;
- Án lệ số 26/2018/AL ngày 17/10/2018.

### **Xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê M L về việc Chia thừa kế đối với ông Lê V Q.

1.1. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Lê Văn Quảng là ngày 25/5/1968. Thời điểm mở thừa kế của cụ Lê Thị Lịch là ngày 13/9/2018.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Văn Quảng gồm: Cụ Lê Thị Lịch và bà Lê M L.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Thị Lịch gồm: Bà Lê M L, ông Lê V Q, ông Lê V H.

1.2. Di sản của cụ Lê Văn Quảng và cụ Lê Thị Lịch gồm:

- + 300 m<sup>2</sup> đất ở trị giá 8.000.000 đồng/m<sup>2</sup> = 2.400.000.000 đồng.
- + 232 m<sup>2</sup> đất vườn liền kề trị giá 5.000.000 đồng/m<sup>2</sup> = 1.160.000.000 đồng.
- + Ngôi nhà cấp 4 lợp ngói trị giá 9.659.000 đồng.

Tổng di sản của cụ Quảng, cụ Lịch trị giá 3.569.659.000 đồng.

1.3. Xác định cụ Lê Văn Quảng và cụ Lê Thị Lịch chết không để lại di chúc.

Chia di sản của cụ Quảng, cụ Lịch theo pháp luật cụ thể như sau:

- Giao cho bà Lê M L diện tích 151,25m<sup>2</sup> đất trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở và 51,25m<sup>2</sup> đất vườn liền kề (được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,y,d,c,13,14,15,16,17,18,19,20,1 theo sơ đồ kỹ thuật kèm theo bản án) và một ngôi nhà cấp 4 diện tích 41,7m<sup>2</sup>. Tổng trị giá di sản bà L được nhận là 1.065.499.000 đồng. Bà L được quyền quản lý, sử dụng các công trình tài sản trên phần đất được giao và có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê V Q, bà Ngô T N số tiền 4.130.420 đồng.

- Giao cho ông Lê V H 100m<sup>2</sup> đất trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở và 50m<sup>2</sup> đất vườn liền kề (được giới hạn bởi các điểm c,d,e,b,11,12,c theo sơ đồ kỹ thuật kèm theo bản án). Tổng trị giá di sản ông H được nhận là 650.000.000 đồng. Ông H được quyền quản lý sử dụng các công trình trên phần đất được giao và có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê V Q, bà Ngô T N 3.053.470 đồng.

- Giao cho ông Lê V Q 231,75m<sup>2</sup> đất trong đó có 150m<sup>2</sup> đất ở và 81,75m<sup>2</sup> đất vườn liền kề (được giới hạn bởi các điểm a,10,b,e,f,g,a theo sơ đồ kỹ thuật kèm theo bản án). Tổng trị giá di sản ông Q được nhận là 1.608.750.000 đồng.

Ông Q, bà N, anh Thắng, cháu Minh được quyền quản lý, sử dụng các công trình tài sản trên phần diện tích đất được chia.

- Bà Lê M L, ông Lê V Q, ông Lê V H được quyền sử dụng phần lối đi chung có diện tích 49m<sup>2</sup> (được giới hạn bởi các điểm 6,5,4,y,d,e,f,g,h theo sơ đồ kỹ thuật kèm theo bản án).

- Bà L, ông Q, ông H có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích được giao.

- Tạm giao cho vợ chồng ông Lê V Q, bà Ngô T N 25,6m<sup>2</sup> đất nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo sơ đồ kỹ thuật kèm theo bản án) cho đến khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê M L.

3. Về án phí:

- Bà Lê M L là con liệt sỹ nên được miễn tiền án phí. Bà L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) tại Biên lai thu tiền số AA/2018/0015257 ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- Ông Lê V Q phải chịu 62.712.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Sáu mươi hai triệu, bảy trăm mười hai nghìn đồng). Ông Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trừ vào số tiền 300.000 tạm ứng án phí dân sự ông Q đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng



án phí số 0016457 ngày 22/7/2020, ông Q còn phải nộp 62.412.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Sáu mươi hai triệu, bốn trăm mười hai nghìn đồng).

- Ông Lê V H phải chịu 33.266.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Ba mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

4. Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác cho đến khi thi hành án xong.

5. Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân huyện Đông Anh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đặng Mạnh Cẩm Yến**